

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HS-ST

Ngày: 24-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thân

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2019/TLST-HS ngày 29/5/2019 đối với bị cáo:

Lê Văn C; sinh năm: 1993; tại xã HY, huyện HT, tỉnh Thanh Hoá; trú tại: thôn TT, xã HY, huyện HT, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Đinh Thị N; vợ là Bùi Thị Y và có 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/02/2019 đến ngày 27/02/2019 chuyển tạm giam đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lương Thị O; sinh năm: 1975; nơi cư trú: thôn NT, xã HB, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

- Anh Đỗ Ngọc N; sinh năm: 1989; nơi cư trú: thôn NT, xã HB, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

Người chứng kiến: Chị Mai Thị H; sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn 2, xã HD, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu năm 2016, do ở nhà không có việc làm nên Lê Văn C đã tìm gặp và nhờ anh Đỗ Văn T, sinh năm 1987, ở thôn TQ1, xã HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa đưa đi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để làm công việc về giày da kiếm thêm thu nhập. Lê Văn C và Đỗ Văn T đã thỏa thuận, thống nhất chi phí sang Trung Quốc là 6.000.000 đồng. Quá trình làm việc tại Trung Quốc thì C có quen với Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, ở thôn TQ2, xã HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa là em vợ của T. Hiện nay, cả H và T đều đang sinh sống và làm việc tại Trung Quốc (địa chỉ cụ thể C không biết). Ngày 11/02/2019, Nguyễn Văn H nhắn tin qua mạng xã hội Zalo cho C với nội dung: *"Ở nhà có ai muốn sang Trung Quốc lao động thì bảo anh, cứ đưa được một người đi sẽ cắt lại cho C 500.000đ; Ai hỏi thì bảo chi phí sang Trung Quốc lao động hết 5.500.000 đ/1 người, sang bên đây làm giày da, lương tháng từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ, đã bao ăn ở, ngày làm 12 tiếng"*. C đồng ý với H và thống nhất khi nào tìm được người thì liên hệ đề H gọi xe đón lên Lạng Sơn, đi đường rừng qua biên giới sang Trung Quốc, C chỉ việc lo tìm người còn việc đưa đón người đi từ Thanh Hóa ra Lạng Sơn và từ Lạng Sơn đưa sang Trung Quốc do H bố trí.

Sau khi nhận lời H, thông qua chị Đinh Thị T, là người cùng ở thôn TT, xã HY, huyện HT, C biết chị Lương Thị O, sinh năm 1975 ở xã HB, huyện HT, tỉnh Thanh Hoá muốn đi Trung Quốc lao động. C và chị O đã liên lạc trao đổi với nhau, C hẹn gặp chị O để bàn việc đi Trung Quốc, chị O nói có cả cháu là anh Đỗ Ngọc N cũng muốn đi cùng sang Trung Quốc lao động. C hỏi chị O có biết Nguyễn Văn H không, chị O nói biết, vì đã có lần chị O được H đưa sang Trung Quốc lao động, sau đó chị O đã trốn H đi nơi khác làm việc. Vì vậy, chị O không dám liên lạc để nhờ H đưa sang Trung Quốc lao động nữa. C đã liên hệ với H qua Zalo và lấy ảnh của chị O trong Zalo gửi cho H để xin ý kiến có cho chị O và anh N đi Trung Quốc không thì H đồng ý. Đến 13 giờ 30 phút, ngày 16/02/2019, C gặp trực tiếp chị O và anh N tại quán cafe Coin ở thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung. Tại đây, C nói với chị O và anh N: *"Đây là đi lao động chui sang bên Trung Quốc nên không cần phải làm giấy tờ gì, hình thức là đi xe khách từ Thanh Hóa đến ngã tư Mỹ Sơn - Lạng Sơn sẽ có xe đến đón lên biên giới và dẫn đi qua đường rừng sang Trung Quốc làm công nhân giày da, lương tháng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, chi phí đi hết 5.500.000đ/người, nếu nợ là 6.000.000đ đồng /người"*. Chị O và anh N đồng ý. C liên hệ với H qua Zalo để H định ngày và đón xe đi cho chị O và anh N. H báo cho C biết vào đêm ngày 17/02/2019 sẽ có xe khách đi từ Hà Tĩnh ra, trên xe có một số người của H cũng sang Trung Quốc lao động và bảo C đưa chị O và anh N đi cùng chuyến xe đó. C báo cho chị O biết là sẽ đi vào đêm ngày 17/02/2019, đón xe ở Cầu Cừ, xã Hà Dương, huyện Hà Trung ra Lạng Sơn, tại đó sẽ có người của H đón sang Trung Quốc. Đến 22 giờ 30 phút, ngày 17/02/2019, chị O gọi cho C ra cầu Cừ thuộc xã Hà Dương, huyện Hà Trung đón. C một mình đi xe máy biển kiểm soát **14K3-8294** ra cầu Cừ gặp và báo chị O, anh N đi bộ vào quán Karaoke Lasvegas gần nơi chị O, anh N đang đứng. Khi chị O và anh N đến quán Karaoke Lasvegas, C nói với chị O là đưa cho C 1.500.000 đồng, tiền xe chị O và anh N tự thanh toán, khi ra đến Lạng Sơn sẽ có người thanh toán cùng với số tiền chi phí lao động của chị O và anh N, nhưng chị O đã đưa cho C 2.000.000 đồng (gồm 1.000.000 đồng tiền C được hưởng từ việc đưa 2 người đi Trung Quốc, 500.000 đồng H nợ C từ trước, 500.000 đồng là chị O đưa thêm cho tròn tiền). Đến khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 18/02/2019, C dẫn chị O và anh N ra trước quán Karaoke Lasvegas để chị

O và anh N đón xe khách tuyến Hà Tĩnh - Lạng Sơn thì bị tổ tuần tra của Công an huyện Hà Trung phát hiện, bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động Iphone 8 màu vàng đồng, đã qua sử dụng;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha, màu xanh đen, biển kiểm soát 14K3-8294;
- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Cáo trạng số 34/CT-VKS-P1 ngày 27/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo về tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1, Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 349; Điều 38; điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được, đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 18/02/2019, tại khu vực cầu Cừ thuộc địa phận xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, Lê Văn C đã có hành vi môi giới cho chị Lương Thị O và anh Đỗ Ngọc N trốn sang Trung Quốc để lao động với mục đích lấy công thì bị Công an huyện Hà Trung phát hiện, bắt quả tang. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1, Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan nhà nước, làm mất trật tự, trị an trên địa bàn. Cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời đề rắn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, ở giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, theo lời khai của Lê Văn C, người có tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, thôn TQ2, xã HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa là đối tượng đã nhờ C làm

trung gian giới thiệu người sang Trung Quốc lao động. Cơ quan an ninh điều tra, Công an tỉnh Thanh Hóa đã nhiều lần triệu tập, xác minh, nhưng H không có mặt tại địa phương từ nhiều năm nay. Do vậy, ngoài lời khai của Lê Văn C không còn chứng cứ nào khác để xử lý đối với H. Tuy nhiên, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Đinh Thị T, là người cho C số điện thoại của chị O để hai người trao đổi về việc sang Trung Quốc lao động. Hành vi của chị T chỉ dừng lại ở việc cho C số điện thoại của chị O, còn việc thỏa thuận đi Trung Quốc như thế nào thì chị T không biết và chị T cũng không có mục đích vụ lợi, vì vậy không có căn cứ để xử lý đối với chị Đinh Thị T.

[3]. *Về vật chứng*: Số tiền 2.000.000 đồng là do bị cáo phạm tội mà có, chiếc điện thoại Iphone 8 của C là phương tiện liên lạc để phạm tội. Vì vậy, phải tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền và chiếc điện thoại này. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha màu xanh đen, biển kiểm soát 14K3-8294, quá trình điều tra xác định đây là xe của ông Bùi Văn T (là bố vợ C) cho vợ chồng Lê Văn C mượn để đi lại. Việc Lê Văn C sử dụng chiếc xe mô tô làm phương tiện phục vụ thực hiện hành vi phạm tội, ông Bùi Văn T không biết. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Thanh Hoá đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho ông Tru là phù hợp.

[4]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 349; Điều 38; điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Bị cáo Lê Văn C phạm tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn C 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 18/02/2019.

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: Số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) và 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 8, màu vàng đồng, đã qua sử dụng. Số tiền và chiếc điện thoại được Công an tỉnh Thanh Hóa niêm phong, dán kín trong hai phong bì (Đặc điểm của hai phong bì niêm phong theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hà Trung ngày 30/5/2019).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 6, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Văn C phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lương Thị O và anh Đỗ Ngọc N có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hà Trung;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Hà Trung;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(*Đã Ký*)

Lê Văn Hồng